TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/DS-ST.
Ngày: 10-7-2018.
V/v tranh chấp hụi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Long.

Bà Võ Thị Trong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2018, về việc "Tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967, địa chỉ: Số nhà 29/5, ấp V, xã Th, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.(có mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị A, sinh năm 1969, địa chỉ: Số nhà 450B/4, ấp B, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1953, địa chỉ: Số nhà 349/4, ấp B, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị B, địa chỉ: Số nhà 417/5, ấp V, xã Th, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ngày 25 tháng 4 năm 2011, bà L có tham gia 02

phần hụi do bà Lê Thị A làm chủ hụi, hụi 5.000.000 đồng/tháng, người nào đã hốt hụi (hụi chết) phải đóng hụi là 5.000.000 đồng/tháng, người chưa hốt hụi (hụi sống) thì đóng 4.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 18 phần, chủ hụi hưởng hoa hồng với số tiền là 2.500.000 đồng, bắt đầu khui hụi từ ngày 25 tháng 4 năm 2011 đến ngày 25 tháng 9 năm 2012 là mãn hụi. Bà L đóng 02 phần hụi sống được 05 lần với số tiền là 40.000.000 đồng, đến kỳ hụi thứ 06 là ngày 25 tháng 9 năm 2011 thì bà A tuyên bố vỡ hụi.

Ngày 20 tháng 3 năm 2016, bà A có trả cho bà L số tiền là 2.000.000 đồng.

Nay bà L yêu cầu bà A trả cho bà L số tiền đóng hụi là 38.000.000 đồng, bà L không yêu cầu trả tiền lãi.

Bà A không giao cho bà L giấy hụi, không ký văn bản xác nhận số nợ. Bà L cung cấp được hai người làm chứng là hụi viên khác xác nhận là bà L có cùng tham gia dây hụi và xác nhận bà A còn nợ tiền hụi của bà L như trình bày của bà L.

Bà Lê Thị A là bị đơn vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên trình bày: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Về nội dung: Bà A không tham gia tố tụng, từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh, nguyên đơn cung cấp được người làm chứng để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ, Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc bà A trả cho bà L số tiền đóng hụi là 38.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn kiện bị đơn, tranh chấp hụi. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bị đơn đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Nguyên đơn và bị đơn tham gia giao dịch hụi vào ngày 25 tháng 4 năm 2011, hụi gồm 18 phần, mỗi tháng khui hụi một lần, hụi có lãi, hụi hoa hồng, ngày mãn hụi là ngày 25 tháng 10 năm 2012, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

[4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đóng hụi còn nợ là 38.000.000 đồng, nguyên đơn không cung cấp được văn bản xác nhận số nợ của bị đơn, nhưng nguyên đơn cung cấp được hai người làm chứng là hụi viên khác xác nhận là nguyên đơn có cùng tham gia dây hụi và xác nhận bị đơn còn nợ tiền của nguyên đơn như trình bày của nguyên đơn. Bị đơn không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ để chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 27 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ, nên chấp nhận, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đóng hụi là 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng). Bị đơn còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ;

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L, buộc bà Lê Thị A trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền đóng hụi là 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành hoàn tất số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002052 ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà Lê Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng).

3. Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lê Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
-Tòa án tỉnh;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
-Cơ quan thi hành án huyện Châu Thành;
-Các đương sự;
-Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Tùng